

TRUNG QUÁN LUẬN SỚ

QUYỂN 10 (Phần 2)

PHẨM NIẾT-BÀN THỨ HAI MƯƠI LĂM (TIẾP THEO)

Sau khi diệt độ, “có”, “không” v.v... Trở xuống, là phần thứ hai, nói về các kiến và Niết-bàn bình đẳng.

Lý do có chương này, gồm có năm nghĩa:

1/ Các thứ biểu thị môn không hai. Như Tịnh Danh, hơn ba mươi Bồ-tát đã nói về pháp môn không hai nay cũng vậy.

2/ Trên đã nói thế gian, Niết-bàn không hai, nay nói các kiến chấp và Niết-bàn không hai, hai là trên nói chung là không hai. Do thế gian là chung, các kiến là tên khác của thế gian, nên trước kia đã nói chung không hai. Nay, sẽ nói riêng không hai.

3/ Trên đã nói thế gian, Niết-bàn không hai, nay nói tà, chánh không hai.

Hỏi: “Thế gian có khác gì với tà?”

Đáp: “Thế gian chưa hẳn là tà. Thế đế, gọi là thế gian. Nay nói riêng tà kiến khác hẳn với thế đế trên, nên nói lại”

Hỏi: “Vì sao các kiến tức là Niết-bàn?”

Đáp: “Kinh Tịnh Danh nói: “Sự giải thoát của Chư Phật đã phải tìm ngay trong sáu mươi hai kiến.” Ở đây, vì muốn nói về tà, chánh không hai, triết tiêu tâm “khác”.

4/ Đây là nêu các kiến để làm thí dụ. –Do giải thích nghĩa thế gian, Niết-bàn không hai ở trên, người Đại, Tiểu thừa trong Phật pháp đều biết sáu mươi hai kiến rất ráo “không”, nhưng không biết thế gian tức là Đại Niết-bàn. Vì thế, nên nay nêu các kiến để làm dụ:

“Ông đã biết các kiến rất ráo “không” kinh Niết-bàn cũng rất ráo không. So sánh như kinh Đại Phẩm thường nêu “ngã” để dụ cho sắc, cho đến chủng trí.”

Hỏi: “Ở chỗ nào văn nay giải thích vấn đề này?”

Đáp: “Đã được giải thích ở văn xuôi, thử tìm văn sẽ tự thấy.”

5/ Trên đã nói Niết-bàn, thế gian bình đẳng, không có hai. Kẻ mê “hoặc” bèn nói: “Do liễu ngộ, nên bình đẳng. Người không liễu ngộ, thì không bình đẳng, mà khởi lên hai kiến mê, ngộ cho nên nay nói chẳng những hai mé không khác mà mê ngộ cũng không hai vì các pháp chưa từng mê, ngộ.

Văn, chia làm hai:

1/ Kệ đầu, là nêu các kiến.

2/ Hai kệ tiếp theo, là nói các kiến là không.

Kệ đầu lại chia làm hai:

a) Nửa kệ trên, là nói về “thế” của các kiến.

b) Nửa kệ dưới, là nói chỗ khởi các kiến.

- Nửa kệ trên, là nói “thế” các kiến được chia làm hai:

1/ Câu đầu, là nói khởi bốn kiến trong người xuất thế.

2/ Câu tiếp theo nói về tám kiến trong pháp thế gian.

Sở dĩ đều nói hai pháp này là vì chúng sinh khởi kiến, đều không ngoài thế gian, xuất thế gian.

Nửa kệ dưới, là nói chỗ khởi kiến, là nói về bốn kiến của xuất thế, dựa vào Niết-bàn khởi.”

Hỏi: “Chấp Như lai “có”, “không”, là dựa vào Như lai mà khởi, sao lại dựa vào Niết-bàn khởi ư?”

Đáp: “Kẻ mê “hoặc” thấy Như lai Niết-bàn, cho nên, đã tìm tòi, phân tích, hoặc cho rằng, Niết-bàn rốt ráo không cùng Như lai; hoặc nói Pháp thân thường trú vẫn có ở Phật. Lại nói: “Ứng thân “không”, Pháp thân “có” - Lại nói vì Phật là Trung đạo, nên chẳng phải “có”, chẳng phải “không”, nên đã chấp Như lai “có”, “không” từ Niết-bàn khởi. Dưới đây, sẽ nói tám kiến dựa vào hai đời mà khởi:

Hỏi: “Vì sao kệ này lấy hai kiến thế gian, xuất thế gian kết hợp có một chỗ để nêu ư?”

Đáp: “Trong đây, nêu các tà kiến, bốn kiến v.v... của Niết-bàn, đều là một loại, nên đều phá hết. Trong phẩm Như lai cũng vậy, trước nói về bốn kiến “không”, bất không của Như lai; tiếp theo, là tám kiến như thường biên v.v..., kết hợp để nêu. Như trong kinh nói: “Kiến Phật, kiến pháp và kiến “đoạn”, “thường” đều là một loại.”

Văn xuôi chia làm bốn:

1/ Trước, giải thích văn kệ.

Tiếp theo giải thích ý kệ. Trước giải thích nửa kệ trên, nói ba thứ mười hai kiến: bốn kiến xuất thế; tám kiến thế gian, ba thứ này mười hai.

2/ ““Có”, “không” v.v... sau Như lai diệt độ v.v... trở xuống, là phần thứ hai, giải thích ý nửa kệ dưới, nói chỗ khởi kiến đồng, nên biết bình đẳng. Bốn kiến đã rất ráo “không”, Niết-bàn cũng vậy.

3/ Từ “sau Như lai diệt độ, “có”, “không”v.v... chẳng thể được ...

Trở xuống, là nói dùng chánh quán xem xét, đều không thể được.

4/ Cho nên trở xuống v.v... là tổng kết: “Vì không khác nên bình đẳng”.

“Vì tất cả pháp “không” ... trở xuống, là hai kệ thứ hai, nói các kiến “không”, tức nêu “một”, “khác”, “một”, “khác” là gốc; các kiến là ngọn, xưa nay đều “không”.

Các pháp không thể được v.v... trở xuống, nguyên nhân có kệ này có ba ý xa gần:

1/ Tổng kết hai mươi lăm phẩm, nói về ý quán của Đại thừa nên văn xuôi chép rằng: “Từ sau phẩm Nhân duyên, đến phẩm Niết-bàn, đã phá ngang hai mươi lăm điều, đọc thì cùng tận bốn quan điểm đều không thể được, tức là thật tướng các pháp, gọi là Trung đạo, nên nói rằng: “Các pháp không thể được”. Vì trong nhân phát quán, nên diệt ngang hai mươi lăm điều, đọc trừ hí luận của bốn quan điểm.

“Không có “người”: ... Nửa kệ dưới, lược kết không có năm sự:

1/ Không có chúng sinh đã hóa độ trong chín đường. Không có xứ, nghĩa là năm thứ cõi nước không có tịnh, uế. Năm thứ là:

1/ Thuần tịnh

2/ Thuần Bất tịnh

3/ Trước tịnh, sau bất tịnh

4/ Trước bất tịnh, sau tịnh

5/ Cõi nước lẫn lộn tịnh, uế

Mỗi báo, ứng đều có năm, gọi là mười quốc độ.

Phật: 3/ Là nói, không có các hóa chủ của mười phương ba đời, cũng không có người đã: 4/ Không có môn giáo đối tượng hóa độ, lược có năm thừa. Rộng thì tám vạn pháp tạng, đều không thể được.

5/ Nói không có thời gian ba đời (câu này xuất xứ ở văn xuôi).

Hai là, phần thứ ba của phần này, hai môn trước, lược, rộng phá tà Niết-bàn, bày chánh Niết-bàn, ở nghĩa đã xong. Nay là phần thứ ba, tiếp theo, là nói về đại ý tổng kết phá trình bày.

Nửa kệ trên, trở lại nên phá chung, như giải thích trước; nửa kệ dưới, kết riêng năm việc:

1/ Không có người bảm thọ Niết-bàn.

2/ Không có chỗ nói giáo Niết-bàn.

3/ Không có thời gian nói giáo Niết-bàn.

4/ Không có giáo chủ nói Niết-bàn.

5/ Không có Niết-bàn để nói.

Ba là kết gôn hai kệ trước, phá sáu mươi hai kiến.

- Văn xuôi giải thích ba kệ, được chia làm hai:

1/ Trước, giải thích hai kệ đầu

2/ Tiếp theo giải thích kệ thứ ba

Giải thích “tất cả pháp” của kệ đầu, cho rằng sinh tử, là Niết-bàn.

Tất cả thời gian, là thời gian ba đời. Hai thứ này nêu pháp sở quán.

Tất cả thứ, là nói về môn quán. Vì môn quán vô lượng, nên nói là tất cả thứ. Như luận Trí Độ giải thích: “Nhất thiết chúng biết tất cả pháp”. Luận rằng: “Môn trí tuệ gọi là chúng”.

“Từ các duyên sinh rất ráo “không”, nghĩa là hai câu đầu nói “không”, tức là “duyên” đã hết ở quán. Nhất thiết chúng “không”, nghĩa là quán hết ở duyên, nên chẳng phải duyên, chẳng phải quán, duyên, quán đều vắng lặng.

“Trong pháp như thế ... trở xuống, là giải thích ba câu sau của kệ:

Sao là hữu biên, nghĩa là pháp không. Ai là người hữu biên? Đó là nói “người không”.

Sao là thường? Là giải thích kệ thứ hai Trước nêu chung các kiến.

Từ câu “sáu mươi hai kiến như thế ... trở xuống, là nói các kiến “không”. sáu mươi hai kiến, trong phẩm Phạm Động của A-Hàm nói bản kiếp, bản kiến, mặt kiếp, mặt kiến, đếm nét chữ trên giấy, không thể nói hết. Nay dựa vào Trí Độ luận 70 quyển, giải thích phẩm Phạt Mẫu, lía mười bốn vấn nạn thành sáu mươi hai kiến – Bốn biên như thường, vô thường; vô biên bốn; như khứ, bất như khứ bốn, hợp thành mười hai – và, thân, thần là “một”, thân khác, thần khác là mười bốn vấn nạn”.

Hỏi: “Mười bốn vấn nạn này căn cứ vào đời nào để luận?”

Đáp: “Giải thích khác v.v... – Nay, nói về tám câu như biên thường v.v..., nói thẳng về “thể: của thần, vì không căn cứ vào đời, nên nói “thể” của thần là thường, vô thường v.v...”

“Như khứ, bất như khứ”, đây là nói riêng đời sau. Sở dĩ nói riêng là vì luận Trí Độ nói: “Việc đời sau chủ yếu là kẻ hoặc mê nhiều, cho

nên nói riêng.

Chia ra sáu mươi hai: Một ấm bốn câu, năm ấm thành hai mươi; thường, vô thường hai mươi, biên, vô biên, như khứ, bất như khứ cũng hai mươi, nên thành sáu mươi; “một”, “khác” là gốc; thành sáu mươi hai.

“Những người có sở đắc đều dứt v.v.... trở xuống, là giải thích kệ thứ ba”.

Từ phẩm Nhân Duyên đến phẩm Niết-bàn, dứt ngang “trăm phi”, khởi dọc bốn quan điểm, gọi là thật tướng các pháp, tức là Trung đạo. Cũng gọi Niết-bàn, nghĩa là do vượt qua bốn quan điểm, dứt hẳn “trăm phi”, tức là lụy phiền đều vắng lặng, các đức đều tròn, do đó, các lụy phiền đều vắng lặng thì không thể là có các đức đều tròn, chẳng thể là không – chẳng phải có; chẳng phải không thì là Trung đạo, pháp Trung đạo được gọi là Niết-bàn. Lại các đức đều viên mãn, gọi là bất “không”. Lụy phiền đều vắng lặng, gọi là “không”, tức là “không” và bất “không” của trí kiến, cũng gọi Phật tánh. Do chúng sinh khởi ngang “trăm phi”, sinh dọc bốn kiến, che lấp thật tướng, nên gọi là Phật tánh. Nếu biết “trăm phi” vốn “không”, bốn quan điểm thường vắng lặng, tức Phật tánh hiển lộ, gọi là pháp thân, nghĩa là: chân như; pháp tánh; thật tế; pháp giới; và pháp thân.

Nay, luận nêu năm tên gọi danh từ, đầu tiên, gọi là thật tướng, tiếp theo, là như; pháp tánh; thật tế và Niết-bàn.”

Hỏi: “Có mấy thứ bốn quan điểm?”

Đáp: “Tịnh Danh Huyền nghĩa nói mười thứ bốn quan điểm”

Nay, tóm tắt nêu ra ba:

1/ Nói riêng bốn quan điểm, như văn này nói”

“Sinh tử, Niết-bàn tất cả “có”, sinh tử, Niết-bàn tất cả “không”; vừa có, vừa không; chẳng phải có, chẳng phải không có.

2/ Nói kép bốn quan điểm: có cái “có”, có cái “không”, gọi là “có”, không có cái “có”, không có cái “không”, gọi là “không”, cũng có cái “có”, “có”, “không”, cũng không có cái “có”, không có cái “không”, gọi cũng có, cũng không có; chẳng phải có cái “có” “có”, “không”; chẳng phải không có cái “có”, không có cái “không”, gọi chẳng phải có, chẳng phải không.

3/ Lập lại bốn quan điểm kép, có bốn quan điểm gọi là “có”; không có bốn quan điểm, gọi là “không”; cũng có bốn quan điểm, cũng không có bốn quan điểm, gọi là vừa có, vừa không; chẳng phải có bốn quan điểm, chẳng phải không có bốn quan điểm, gọi là chẳng phải có,

chẳng phải không.

Nay, tìm ba thứ ba quan điểm này không thể được, nên gọi là Niết-bàn thật tướng.
